



Phần A. Cơ bản – Củng cố

Bài 1. Tính:

- a) $14x^5 : 7x^2$;
- b) $(-2,4x^6) : 0,8x^3$;
- c) $\frac{3}{5}x^4 : \left(-\frac{3}{10}x\right)$.

Bài 2. Thực hiện phép chia:

- a) $(12x^4 - 8x^3 + 4x^2) : 4x^2$;
- b) $(-x^5 + 3x^3 - 2x^2) : (-x^2)$.

Bài 3. Tính $(x+3)(x-5)$. Từ đó suy ra thương của phép chia $(x^2 - 2x - 15) : (x - 5)$.

Phần B. Thông hiểu – Vận dụng

Bài 4. Đặt tính chia: $(2x^3 + 3x^2 - 8x + 3) : (2x - 1)$.

Bài 5. Đặt tính chia: $(x^4 - 2x^3 + 2x - 1) : (x^2 - 1)$.

Bài 6. Tìm thương Q và dư R khi chia $A = 3x^3 - 2x^2 + 4x - 1$ cho $B = x^2 + 2$, rồi viết $A = BQ + R$.

Bài 7. Tìm thương và dư khi chia $2x^4 + x^3 - 3x^2 + 5$ cho $x^2 - x + 1$.

Phần C. Nâng cao

Bài 8. Một hình chữ nhật có diện tích $2x^2 + 7x + 3$ (m²) và chiều rộng $x + 3$ (m) (với $x > 2$).

- a) Tìm đa thức biểu thị chiều dài.
- b) Tính chiều dài khi $x = 4$.

$x + 3$	$S = 2x^2 + 7x + 3$
	?

Bài 9. Một hình hộp chữ nhật có thể tích $x^3 + 6x^2 + 11x + 6$ (cm³) và diện tích đáy $x^2 + 3x + 2$ (cm²). Tìm đa thức biểu thị chiều cao.

Bài 10. Với số tự nhiên $x \geq 2$, có $x^2 + 5x + 9$ chiếc kẹo chia đều cho $x + 2$ bạn. Mỗi bạn được nhiều nhất bao nhiêu chiếc và còn thừa bao nhiêu chiếc?

Bài 11. Tìm đa thức A , biết khi chia A cho $x - 2$ thì được thương $x^2 + 1$ và dư 4.

Phần D. Dành cho học sinh giỏi

Bài 12. Tìm số a để đa thức $2x^2 - x + a$ chia hết cho $x - 2$.

Bài 13. Không đặt tính, tìm dư của phép chia $x^4 + 2x^3 + x - 3$ cho $x^3 + 2x^2$.

HẾT